TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5-VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2025/HS-ST
Ngày: 23/8/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5-VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Trình
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Kim Lan
2. Bà Trần Thị Kim Mỹ

-***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Quốc Vương - Thư ký viên.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5-Vĩnh Long tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 22 và ngày 23 tháng 8 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5-Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 46/2025/TLST-HS ngày 05/6/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST-HS ngày 21/7/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2025/HSST-QĐ ngày 07/8/2025 đối với bị cáo:

Phạm Hồng S, sinh năm 1979 tại tỉnh Vĩnh Long (trước đây là tỉnh Bến Tre); nơi cư trú: số G, khu phố B, phường P, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre); căn cước công dân số: 083079014375; danh chỉ bản số: 58 lập ngày 16/5/2024 tại Công an tỉnh B (nay là tỉnh Vĩnh Long); trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: công chức; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con Phạm Hồng T và bà Lê Thị H; vợ: Đinh Thị M; con: có 01 người con sinh năm 2006. tiền án: không;

Tiền sự: ngày 10/3/2022 bị Công an P1, thành phố B quyết định xử phạt số tiền 400.000 đồng về hành vi đánh nhau gây thương tích (Quyết định xử phạt vi phạm hành chính Số 09/QĐ-XPHC, bị can chưa đóng phạt).

Người bào chữa của bị cáo: Luật sư Đinh Thị Bé M1 thuộc Chi nhánh Văn phòng L – Đoàn Luật sư tỉnh Đ. Có mặt

- *Bị hại:* Trần Thị Mỹ P, sinh năm 1983; nơi cư trú: số F, khu phố B, phường P, tỉnh Vĩnh Long. Có mặt

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Trần Minh H1, sinh năm 1960; nơi cư trú: số F, khu phố B, phường P, tỉnh Vĩnh Long. Có mặt

- *Người làm chứng:*

1. Đỗ Thanh Q, sinh năm 1972; nơi cư trú: số F, khu phố B, phường P, tỉnh Vĩnh Long. Có mặt

2. Lê Hồng K, sinh năm 1948; nơi cư trú: số F, khu phố B, phường P, tỉnh Vĩnh Long. Có mặt

3. Ngô Thị Thanh T1, sinh năm 1974; nơi cư trú: số F, khu phố B, phường P, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Giữa Phạm Hồng S và Trần Thị Mỹ P có mâu thuẫn từ trước về tranh chấp ranh đất và thùng bảo vệ đồng hồ điện, khoảng 21 giờ 25 phút ngày 14/11/2023, S cho rằng bà P có hành vi kêu người khác điều khiển xe gắn máy chạy theo xe S với ý khiêu khích (do S nghĩ trước đó bà P và gia đình bà P có hành vi khiêu khích S và gia đình S nhiều lần) nên S đã có nhiều lời nói thô tục, thiếu văn hóa xúc phạm danh dự của bà P ở khu vực phía trước nhà bà P ở số F, Khu phố B, Phường H, thành phố B tỉnh Bến Tre (nay là phường P, tỉnh Vĩnh Long). Ngày 20/11/2023, bà Trần Thị Mỹ P có đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với Phạm Hồng S về hành vi lớn tiếng chửi bới, xúc phạm nghiêm trọng danh dự, nhân phẩm, xuyên tạc đời sống cá nhân bà P dẫn đến làm mất uy tín, ảnh hưởng đến công việc và đời sống hằng ngày của bà P.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 (Một) tệp video trích xuất từ dữ liệu camera có tên "6162151284281740523" dung lượng 39,5Mb dài 08 phút 54 giây, trên màn hình hiển thị thời gian từ 21 giờ 23 phút 45 giây ngày 14/11/2023 đến 21 giờ 32 phút 33 giây ngày 14/11/2023, mã hóa dữ liệu SHA1: D5B14EE821861AB66 83D10ED15280C426F57A7ED (bằng app MultiHasher), được lưu trữ trong đĩa DVD-R đã được niêm phong; 01 (Một) tệp ghi âm tên "bản ghi mới 18.m4a" dài 01 phút 42 giây, dung lượng 832Kb; 01 (Một) tệp ghi âm tên "bản ghi mới 145.m4a" dài 08 phút 16 giây, dung lượng 3.98Mb; 01 (Một) tệp ghi âm tên "bản ghi mới 146.m4a" dài 05 phút 27 giây, dung lượng 2.06Mb. (03 tệp ghi âm được lưu trữ trong đĩa DVD-R đã được niêm phong).

Tại Kết luận giám định Số 2375/KL-KTHS ngày 13/5/2024 của Phân viện Khoa học hình sự Bộ C tại Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: Tiếng nói người nam trong 04 file mẫu cần giám định và tiếng nói của ông Phạm Hồng S trong file video mẫu so sánh là của cùng một người nói ra.

Tại Kết luận giám định Số 6012/KL-KTHS ngày 11/02/2025 của Phân viện Khoa học hình sự Bộ C tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Nội dung hội thoại trong file "6162151284281740523.mp4" từ thời điểm 00 phút 54 giây trùng với nội dung trong file "Bản ghi Mới 145.m4a". Nội dung hội thoại trong mẫu cần giám định được chuyển thành văn bản.

Kèm theo Kết luận giám định: Bản dịch nội dung gồm 05 trang giấy A4 (từ bút lục Số 266 đến Số B), cụ thể: Bản dịch nội dung file ghi âm "Bản ghi mới 18.m4a" thể hiện những lời nói thô tục của người nói giọng nam với thời lượng 01 phút 42 giây; Bản dịch nội dung file ghi âm "Bản ghi mới 145.m4a" thể hiện

những lời nói thô tục của người nói giọng nam với thời lượng 08 phút 16 giây; Bản dịch nội dung file ghi âm "Bản ghi mới 146.m4a" thể hiện những lời nói thô tục của người nói giọng nam với thời lượng 05 phút 27 giây; Bản dịch nội dung file video "6162151284281740523.mp4" thể hiện những lời nói thô tục của người nói giọng nam với thời lượng 08 phút 54 giây.

Đối với dữ liệu điện tử là các tệp ghi âm đã được lưu trữ vào đĩa DVD-R là chứng cứ của vụ án nên tiếp tục lưu hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại Trần Thị Mỹ P yêu cầu S bồi thường tổn thất tinh thần số tiền 11.700.000 đồng, S chưa bồi thường.

Quá trình điều tra, Phạm Hồng S đã khai nhận hành vi phạm tội của S, lời khai của S phù hợp với lời khai bị hại, lời khai người làm chứng, Kết luận giám định và các chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập.

Tại cáo trạng số 45/CT-VKSTPBT ngày 10/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre (nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5-Vĩnh Long) đã truy tố bị cáo về tội "*Làm nhục người khác*" theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung cáo trạng và đề nghị:

Về hình phạt chính, áp dụng: khoản 1 Điều 155; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng về tội "*Làm nhục người khác*".

Về hình phạt bổ sung: không đề nghị áp dụng.

Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp và trách nhiệm dân sự:

Lưu hồ sơ vụ án: dữ liệu điện tử là các tệp ghi âm đã được lưu trữ vào đĩa DVD-R.

Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền tương đương từ 03 đến 05 tháng lương cơ sỡ.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Bị cáo không khiếu nại các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng. Đối với phần trách nhiệm dân sự bị cáo không đồng ý bồi thường.

Bị hại trình bày: sự việc bị cáo xúc phạm danh dự nhân phẩm của chị như cáo trạng nêu là đúng. Hành vi của bị cáo đã làm ảnh hưởng rất lớn đến đời sống của chị trong công việc cũng như cuộc sống hàng ngày. Về trách nhiệm dân sự chị yêu cầu bị cáo bồi thường tổn thất tinh thần cho chị số tiền 11.700.000 đồng tương đương 05 tháng lương cơ sở, về trách nhiệm hình sự chị yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Minh H1 trình bày: ông là cha của bị hại, ngày sự việc xảy ra bị cáo xúc phạm bị hại và ông. Sau khi sự việc xảy ra, ông và bị hại có đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với bị cáo. Tuy nhiên, mức độ

xúc phạm của bị cáo đối với ông là ít hơn so với bị hại, do ông và bị cáo là hàng xóm, ông không muốn làm cho mâu thuẫn trầm trọng nên tại phiên tòa hôm nay ông vẫn giữ yêu cầu rút lại yêu cầu xử lý hình sự đối với hành vi của bị cáo xúc phạm ông mà ông đã trình bày tại Cơ quan điều tra, về trách nhiệm dân sự ông cũng không yêu cầu bị cáo bồi thường. Ông không khiếu nại gì đối hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát.

Người làm chứng Đỗ Thanh Q trình bày: Ông là hàng xóm của cả bị cáo lẫn bị hại, việc bị cáo chửi bị hại ông có nghe, sự việc có camara nhà ông đã quay lại, ông đã nộp đoạn phim ghi lại lời nói của bị cáo xúc phạm bị hại cho cơ quan điều tra.

Người làm chứng Nguyễn Hồng K1 trình bày: ông là tổ trưởng tổ dân phố nơi bị cáo và bị hại sinh sống, ông có nghe bị cáo xúc phạm, chửi bới bị hại như cáo trạng nêu là đúng.

Người bào chữa của bị cáo trình bày: Hành vi phạm tội của bị cáo như cáo trạng nêu là đúng nên người bào chữa thống nhất về tội danh mà Viện kiểm sát truy tố, điều luật áp dụng và mức hình phạt đối với bị cáo. Tuy nhiên, sự việc này bắt nguồn từ mâu thuẫn giữa gia đình của bị cáo và bị hại, bị cáo đã nhiều lần yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết đối với các mâu thuẫn, tranh chấp giữa 02 gia đình nhưng kết quả giải quyết chưa thỏa đáng làm bị cáo bị ức chế mới dẫn đến việc bị cáo xúc phạm bị hại. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử để xử phạt bị cáo mức hình phạt thấp nhất mà Viện kiểm sát đề nghị.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, người làm chứng vắng mặt nhưng trong quá trình điều tra đã có lời khai rõ ràng, sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người tham gia tố tụng và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, đủ cơ sở xác định: Xuất phát từ mâu thuẫn trong đời sống hằng ngày, vào lúc 21 giờ 25 phút ngày 14/11/2023, Phạm Hồng S đã có hành vi dùng lời nói thô tục, thiếu văn hóa xúc phạm nghiêm trọng danh dự, nhân phẩm của bà Trần Thị

Mỹ P đang công tác tại Công an xã P, tỉnh Bến Tre tại khu vực phía trước nhà bà P ở số F, Khu phố B, Phường H, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

[3] Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận biết rõ hành vi của mình bị pháp luật cấm nhưng bị vẫn cố ý dùng lời lẽ thô tục, thiếu văn hóa để xúc phạm bị hại tại nơi có nhiều người. Hành vi của bị cáo đã xúc phạm nghiêm trọng đến danh dự, nhân phẩm của bị hại. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre (nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5-Vĩnh Long) truy tố bị cáo về tội "Làm nhục người khác" được quy định tại khoản 1 Điều 155 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng luật định.

[4] Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, bị cáo dùng lời lẽ thô tục để xúc phạm bị hại, trực tiếp xâm phạm daanh dự, nhân phẩm của bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân xấu, có 01 tiền sự về hành vi "Đánh nhau gây thương tích" chưa được xóa. Về tình tiết tặng nặng trách nhiệm hình sự bị cáo không có. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: "Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng", "Người phạm tội thành khẩn khai báo", "Có người thân có công với đất nước", "Bị cáo được tặng thưởng nhiều bằng khen trong hoạt động thiện nguyện", "Bị cáo được tặng thưởng nhiều giấy khen trong quá trình công tác" theo quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy việc áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với bị cáo cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ít cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: do hành vi phạm tội của bị cáo không liên quan đến nghề nghiệp, chức vụ của bị cáo nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp và trách nhiệm dân sự:

Lưu hồ sơ vụ án: dữ liệu điện tử là các tệp ghi âm đã được lưu trữ vào đĩa DVD-R.

Đối với yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần của bị hại thì thấy rằng với mức độ ảnh hưởng, gây tổn hại của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra đối với bị hại thì mức yêu cầu bồi thường của bị hại là phù hợp nên được chấp nhận.

[8] Đối với việc Phạm Hồng S còn có hành vi dùng lời nói thô tục xúc phạm ông Trần Minh H1 vào ngày 14/11/2023, ông H1 đã có yêu cầu xử lý hình sự. Tuy nhiên, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa ông S vẫn giữ lời trình bày rút lại yêu cầu xử lý hình sự đối với bị cáo S, xét thấy việc rút đơn của ông S là tự nguyện nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và không xem xét trách nhiệm hình sự đối với hành vi của bị cáo là phù hợp.

[9] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, hình phạt, xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp là phù hợp nên được chấp nhận.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm: bị cáo bị kết án và có nghĩa vụ bồi thường nên phải chịu theo quy định của Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phạm Hồng S phạm tội "Làm nhục người khác";

1. Áp dụng khoản 1 Điều 155; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Hồng S số tiền 25.000.000 (hai mươi lăm triệu) đồng.

2. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Lưu hồ sơ vụ án: dữ liệu điện tử là các tệp ghi âm đã được lưu trữ vào đĩa DVD-R.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586, 592 Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại Trần Thị Mỹ P số tiền 11.700.000 (mười một triệu bảy trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền chưa được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Phạm Hồng S nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 (hai trăm nghìn) đồng; án phí dân sự sơ thẩm 585.000 (năm trăm tam mươi lăm nghìn) đồng, tổng án phí bị cáo phai nộp là 785.000 (bảy trăm tám mươi lăm nghìn) đồng.

5. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- VKSND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- VKSND KV5-Vĩnh Long (1b);
- Cơ quan điều tra CA tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Phòng THA dân sự KV5-Vĩnh Long (1b);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh Vĩnh Long (1b);
- UBND phường Phú Khương (1b);
- Bị cáo, NTGTT (3b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (3b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Văn Trình